TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 5 - 2019
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lựu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Tuấn Khanh;

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*

Bà Trần Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 525/2018/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên toà số 46/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thị N,** sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T T, huyện B Đ, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Trần Lâm C**, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T T, huyện B Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2018 và những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:*

Chị và anh C cưới nhau vào năm 2002 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, Quyển 01 ngày 14/01/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Thới Th, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 7 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C có hành vi bạo lực gia đình đối với chị. Chị và anh C đã

ly thân từ tháng 07 năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc D, sinh ngày 18/11/2002 và Trần Minh Th, sinh ngày 06/8/2004. Hiện con chung đang sống chung với chị N, chị yêu cầu nuôi 02 con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 1.390.000 đồng mỗi tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại phiên toà bị đơn anh Trần Lâm C trình bày:*

Anh và anh N cưới nhau vào năm 2002 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, Quyển 01 ngày 14/01/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Thới Th, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Những mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống như chị N trình bày là không đúng, nếu có mâu thuẫn thì đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt gia đình, trong cuộc sống vợ chồng cũng có lúc cãi vả, anh cũng có đánh chị N. Từ lúc xảy ra mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình cách đây hơn 01 năm anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay qua yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc D, sinh ngày 18/11/2002 và Trần Minh Th, sinh ngày 06/8/2004. Hiện con chung đang sống chung với chị N, nếu vợ chồng ly hôn thì con theo ai thì người đó nuôi, bên còn lại không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự là vi phạm Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đây chỉ là vi phạm nhỏ nên kiến nghị khắc phục trong thời gian tới.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Có đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị HĐXX Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị N đối với anh Trần Lâm C.

Về con chung: Chị Phạm Thị N được nuôi 02 con chung tên tên Trần Ngọc D, sinh ngày 18/11/2002 và Trần Minh Th, sinh ngày 06/8/2004. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị N mỗi tháng là 1.390.000 đồng.

Tài sản chung, nợ chung: chị N khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Trần Lâm C kết hôn vào năm 2002, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Th vào năm 2002 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng đến tháng 7/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị N cho rằng anh C có hành vi bạo lực gia đình và anh C cũng thừa nhận là có đánh chị N, mặc khác anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, giữa chị N và anh C không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tại phiên Tòa hôm nay anh C không đồng ý ly hôn với chị N nhưng từ lúc vợ chồng ly thân anh C không có đưa ra được biện pháp, cũng như liên lạc với chị N để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm và chị N cũng kiên quyết ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. *Về con chung:* Quá trình chung sống chị N, anh C có 02 con chung tên Trần Ngọc D, sinh ngày 18/11/2002 và Trần Minh Th, sinh ngày 06/8/2004, chị N yêu cầu nuôi 02 con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 1.390.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ trước đến nay cháu D và cháu Th đều sống chung với chị N và chị N nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, cháu D và cháu Th cũng có nguyện vọng sống chung với chị N nên nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh chị. Do đó, để chị N nuôi con chung là phù hợp với quy

định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị N;

Chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 1.390.000 đồng nhưng anh C không đồng ý vì mức lương hiện tại của anh chỉ đủ sống. Hội đồng xét xử xét thấy anh C không trực nuôi con chung nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho người trực tiếp nuôi con là chị N theo quy định tại Điều 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, mức cấp dưỡng chị N yêu cầu 1.390.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do đó buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị N mỗi tháng là 1.390.000 đồng (cụ thể mỗi cháu cấp dưỡng 695.000 đồng/tháng).

[3].*Về tài sản chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về nợ chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. *Về án phí :* Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân sơ thẩm: chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị N đối với anh Trần Lâm C. Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Trần Lâm C.

[2]. Về con chung:

Chị Phạm Thị N được nuôi 02 con chung tên Trần Ngọc D, sinh ngày 18/11/2002 và Trần Minh Th, sinh ngày 06/8/2004, sự thoả Th này phù hợp với nguyện vọng của hai cháu D, Th.

Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị N mỗi tháng là 1.390.000đ (một triệu ba trăm Cn mươi nghìn đồng) (Cụ thể mỗi con chung cấp dưỡng mỗi tháng 695.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Chị N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Không có, nên không xét đến.

[4]. Về nợ chung: Không có, nên không xét đến.

[5]. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019448 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Lâm C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Phạm Thị N, anh Trần Lâm C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Thới Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Thị Lựu